

BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM

VỊ THẾ BIỂN ĐÔNG

Lê Đức An*, Trần Đức Thanh**

I. Giới thiệu chung

Vị thế của biển Đông, trong đó vùng biển Việt Nam chiếm gần 1/3 về diện tích, có thể được hiểu một cách đơn giản là “*chỗ đứng*” của biển Đông trên bình đồ châu Á và thế giới về các mặt tự nhiên, kinh tế-xã hội, cũng như chính trị-quân sự. Nghiên cứu và đánh giá các lợi ích mà vị thế đó có thể mang lại chính là nghiên cứu về *tài nguyên vị thế* của biển Đông.

Biển Đông nằm ở phía đông nam lục địa châu Á, thuộc hệ thống biển rìa Tây Thái Bình Dương (Ôkhốt, Nhật Bản, Hoa Đông...), là một biển nửa kín, được bao quanh về phía đông và nam bởi các quần đảo Philippines, Indonesia, qua các eo biển nối với Thái Bình Dương ở phía bắc và đông, và với Ấn Độ Dương ở phía nam. Biển Đông có diện tích 3.537.000km², độ sâu trung bình 1.140m, thuộc khí hậu nhiệt đới và xích đạo, phía bắc được giới hạn bởi vĩ tuyến 25°10'B, còn ranh giới phía cực nam đến vĩ tuyến 2°03'N; và mở rộng đến phía tây của kinh tuyến 100°Đ và đến phía đông của kinh tuyến 120°Đ. Bao quanh biển Đông có 10 nước và vùng lãnh thổ là Trung Quốc, Việt Nam, Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Singapore, Brunei, Philippines và Đài Loan.

Để thấy được tầm cỡ của biển Đông trong hệ thống các biển nửa kín của thế giới có thể đưa ra một số số liệu so sánh sau đây (bảng 1).

Bảng 1: Vài số liệu chung về biển Đông và một số biển khác

	Bering (Bering)	Ôkhốt (Okhotsk)	Nhật Bản	Địa Trung Hải	Caribê (Caribbean)	Biển Đông
Khí hậu	Cận cực	Ôn đới	Ôn đới	Cận nhiệt đới	Nhiệt đới	Nhiệt đới, xích đạo
Diện tích (triệu km²)	2,3	1,6	1,0	2,9 (2,5)	2,7	3,5
Độ sâu trung bình (m)	1.640	821	1.752	1.435	2.429	1.140
Tài nguyên	Hải sản, dầu khí	Hải sản, dầu khí	Hải sản, dầu khí	Hải sản, dầu khí	Hải sản, dầu khí	Hải sản, dầu khí
Số nước bao quanh	2 (2 châu)	2 (1 châu)	4 (1 châu)	17 (3 châu)	21 (1 châu)	10 (1 châu)
Quy mô giao thông	Quốc gia, liên quốc gia	Quốc gia, liên quốc gia	Liên quốc gia	Liên quốc gia, liên lục địa	Liên quốc gia, liên lục địa	Liên quốc gia, liên lục địa
Mức độ tranh chấp		Vừa phải	Căng thẳng			Rất căng thẳng

* Viện Địa lý, Viện KH&CN Việt Nam.

** Viện Tài nguyên và Môi trường biển, Viện KH&CN Việt Nam.

Nếu không kể các biển hở, như biển Philippines (5,7 triệu km²) và biển Ả Rập (4,8 triệu km²), thì biển Đông là biển nửa kín có diện tích lớn nhất, và qua bảng 1 có thể thấy vai trò đặc biệt của biển Đông so với các biển quan trọng nhất của thế giới, như Địa Trung Hải và Caribe.

II. Vị thế biển Đông trên bình đồ châu Á và thế giới

1. Vị thế tự nhiên

+ Biển Đông được sinh thành khá muộn, kể từ khi đáy tách giãn tạo biển rìa chỉ khoảng 32 triệu năm trước, tuy nhiên nó khác biệt với hầu hết các biển khác ở chỗ nằm ở ranh giới của 3 mảng thạch quyển của vỏ Trái đất (thay vì 2 như thông thường), đó là mảng Thái Bình Dương, Âu-Á và Ấn-Úc, nơi giao thoa của nhiều đặc điểm địa chất, kiến tạo, và điều này đã làm cho biển Đông và những vùng đất đai xung quanh của nó có những đặc điểm khác biệt.



Biển Đông. Nguồn: www.agu.edu.vn

Về mặt sơn văn, lãnh thổ đó là nơi gặp gỡ của hai đại tạo núi lớn là Tây Thái Bình Dương với phương các dãy núi ĐB-TN và Alpi với phương TB-ĐN. Biển Đông là nơi có những dòng sông lớn đổ vào, sông Mê Kông đứng hàng thứ 9 và sông Hồng thứ 14 của thế giới; có những vùng thềm lục địa thuộc loại rộng lớn nhất thế giới như thềm lục địa vịnh Bắc Bộ, Đông Nam Bộ - vịnh Thái Lan và thềm lục địa Sunda. Các vùng quần đảo san hô và các rạn san hô vòng ở trung tâm biển Đông cũng có quy mô hàng đầu của thế giới.

Về mặt sinh khoáng, biển Đông và các lãnh thổ bao quanh là đầu giao nối của 2 đại sinh khoáng nổi tiếng là đại Thái Bình Dương và đại Địa Trung Hải, mà hệ quả là nơi đây tập trung một số dạng khoáng sản điển hình cho cả hai đại đó, là thiếc, đồng, crôm, niken, than đá, chì-kẽm, sắt, nhôm, dầu khí...

Tuy nhiên ranh giới của các mảng thạch quyển cũng là nơi yếu nhất của vỏ Trái đất, và đó chính là 2 vành đai động đất và núi lửa lớn của thế giới, đã gây tổn thất không nhỏ cho dân cư sống quanh các vành đai này, là thách thức lớn của vị thế tự nhiên của khu vực.

+ Biển Đông và lãnh thổ xung quanh nằm ở đại nội chí tuyến nhiệt đới và xích đạo, nhận được một nguồn năng lượng lớn của Mặt trời, trung bình 140 kcal/cm²/năm, là nguồn tạo ra một sinh khối rất lớn so với các vùng biển, đảo và ven bờ ôn đới và cận cực. Có thể sơ bộ chia ra 2 miền khí hậu là miền Bắc và miền Nam biển Đông mà ranh giới vào khoảng vĩ độ 14-15°B. Miền khí hậu Bắc biển Đông trong đó có quần đảo Hoàng Sa mang tính nhiệt đới đại dương, không có mùa đông lạnh, ẩm áp quanh năm, còn miền khí hậu Nam biển Đông đặc trưng cho chế độ khí hậu nhiệt đới xích đạo đại dương, với nhiệt độ luôn cao và biến thiên theo mùa không lớn. Biển Đông là nơi hình thành hoặc tràn vào của nhiều cơn bão nhiệt đới Thái Bình Dương, hàng năm gây nhiều hiểm họa lớn.

+ Vào mùa gió Đông Bắc khối nước từ Thái Bình Dương qua eo biển Đài Loan và Basi xâm nhập vào biển Đông và lan truyền xuống đến vùng ven bờ Nam Trung Bộ Việt Nam, đồng thời ở trung tâm biển Đông hình thành một xoáy thuận. Trong mùa chuyển tiếp xuân hè, gió Đông Bắc yếu đi và gió Tây Nam phát triển, trên biển hình thành 2 xoáy thuận ở bắc và nam biển Đông. Vào thời kỳ mùa hè, nhất là vào các tháng 6 đến 8, gió Tây Nam đã tạo dòng nước mạnh từ biển Java chảy theo đường bờ biển Việt Nam theo hướng TN-ĐB, cuối cùng thoát ra eo biển Đài Loan và Basi, đồng thời tạo ra một xoáy nghịch quy mô lớn ở nam biển Đông, với một nhánh chuyển về phía đông để thoát ra biển Sulu [1]. Hoàn lưu nước biển chi phối chế độ nhiệt và một phần chế độ muối của lớp nước hoạt động của biển, cũng quyết định sự phân bố tài nguyên hải sản trên các vùng biển. Địa hình bờ, đáy biển và chế độ gió đã hình thành các vùng nước trôi quy mô lớn gắn liền với các ngư trường quan trọng ở ngoài khơi Bình Thuận (Việt Nam), tây bắc Luzon (Philippines) và cửa sông Châu Giang (Trung Quốc).

+ Chế độ thủy triều biển Đông do địa hình phức tạp của đáy và bờ biển nên rất đa dạng, với thành phần sóng nhật triều chiếm ưu thế về biên độ

và năng lượng: nhật triều đều và nhật triều không đều chiếm hầu hết không gian của biển, trong khi bán nhật triều và bán nhật triều không đều chiếm một phần khiêm tốn với biên độ nhỏ. Ven bờ Việt Nam chế độ thủy triều cũng rất đa dạng và đặc sắc, từ nhật triều đều (Hòn Dấu), bán nhật triều đều (Thuận An) đến nhật triều không đều (Quy Nhơn), rồi tiếp đến bán nhật triều không đều (Vũng Tàu), và lại nhật triều không đều ở Rạch Giá. Độ cao mực nước triều có 2 cực đại ở Hòn Dấu và Vũng Tàu và 2 cực tiểu ở Thuận An và Rạch Giá.

Như vậy do vị trí địa lý và cấu trúc không gian, biển Đông và các vùng đất lân cận có được điều kiện tự nhiên đa dạng, tài nguyên sinh vật và phi sinh vật phong phú, nhưng cũng gặp không ít khó khăn do nhiều loại thiên tai gây ra.

2. Vị thế địa-kinh tế

2.1. Biển Đông-nguồn tài nguyên lớn cho cư dân xung quanh

Tài nguyên biển Đông được đánh giá chủ yếu là hải sản, dầu khí, giao thông vận tải và du lịch, tuy nhiên các con số chính thức về các tiềm năng này còn chưa được nghiên cứu đầy đủ.

Trung Quốc dự đoán tài nguyên hải sản và dầu khí của biển Đông có giá trị lên đến hàng nghìn tỷ USD. Họ cũng đánh giá tiềm năng dầu khí biển Đông đến 213 tỷ thùng, riêng Trường Sa đến 105 tỷ thùng (17,7 tỷ tấn) [3].

Về hải sản theo đánh giá của Việt Nam, trữ lượng cá toàn vùng biển Việt Nam là 3.072 ngàn tấn, và khả năng khai thác là 1.426 ngàn tấn [1]. Về dầu khí, các nhóm bể trên thềm lục địa của Việt Nam đã được sơ bộ đánh giá, với trữ lượng và tiềm năng dự báo khoảng 3,5-4,4 tỷ tấn dầu quy đổi; riêng nhóm bể Trường Sa việc điều tra, thăm dò còn hạn chế, tiềm năng dự báo khoảng 3.330-6.680 triệu tấn dầu quy đổi [1]. Phía bắc, đông và nam biển Đông nhiều bể dầu khí đang được thăm dò và khai thác thuộc các nước Trung Quốc, Philippines, Indonesia, Malaysia, Brunei, Thái Lan.

Năm 2009, Việt Nam khai thác từ biển Đông 16,3 triệu tấn dầu và 8,0 tỷ m³ khí; khai thác 1.568,8 ngàn tấn cá biển; 413,1 ngàn tấn tôm nuôi; 718 ngàn tấn muối; lượng hàng hóa qua các cảng biển khoảng 52 triệu tấn. Mức độ khai thác tài nguyên biển của Việt Nam còn thấp so với khu vực, hàng năm đạt giá trị không nhiều so với GDP toàn quốc (năm 2009 xuất khẩu 6,194 tỷ USD dầu thô và 4,251 tỷ USD hàng thủy sản) [2]. Trong khi đó, các nước trong khu vực đã có nhiều truyền thống khai thác biển, nhất là về hải sản và dầu khí.

Năm 2010 sản lượng dầu khí ngoài khơi của Trung Quốc lần đầu tiên vượt mốc 50 triệu tấn/năm. Hiện tại các khu khai thác ở ngoài khơi Palawan chiếm 50% toàn bộ số dầu tiêu thụ tại Philippines [3]. Như vậy có thể thấy là hàng năm biển Đông cung cấp cho các nước trong khu vực một khối lượng tài nguyên vô cùng lớn, giá trị có thể lên đến hàng trăm tỷ USD. Đặc biệt du lịch biển-đảo của các nước cũng đã rất phát triển, hàng năm đón hàng chục triệu khách quốc tế, cùng với đó là nguồn thu nhập rất lớn về dịch vụ

cảng biển quốc tế, như Singapore, Hồng Kông. Người ta ước tính là có đến 500 triệu người sống phụ thuộc vào biển Đông.

2.2. Biển Đông - con đường huyết mạch cho nhiều nước trên thế giới

Biển Đông hiện tại và tương lai có ý nghĩa sống còn đối với cư dân các quốc gia trong khu vực; và không những thế, biển Đông còn quan trọng cho cả nhiều nước khác nữa, trong đó có Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ... Người ta đã nói nhiều về con đường hàng hải huyết mạch qua biển Đông, trong đó nhấn mạnh đến sự kiện hàng năm trên một nửa trọng tải tàu hàng hóa của thế giới qua vùng biển này. Đường qua biển Đông cung cấp hơn 80% dầu thô cho Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan; và nhìn chung cung ứng khoảng 2/3 năng lượng cho Hàn Quốc, 60% cho Nhật Bản và Đài Loan. Ngoài ra đối với Nhật Bản 45% khối lượng hàng hóa xuất khẩu là qua biển Đông; trong khi đối với Trung Quốc qua biển Đông có 29/39 tuyến đường hàng hải, 60% hàng hóa xuất nhập khẩu, và 70% dầu mỏ nhập khẩu [3].

Nhìn chung liên quan đến biển Đông có tới 5/10 tuyến hàng hải lớn nhất của thế giới, gần với tất cả các vùng biển trên thế giới, hàng ngày có đến 250-300 tàu qua lại, và hàng năm hơn một nửa số tàu chở dầu siêu cấp của thế giới qua vùng biển này; như vậy có thể nói rằng biển Đông là một trong các trung tâm quan trọng nhất của thế giới về mặt giao thông vận tải biển và gắn với nền kinh tế không những của các nước Đông Nam Á, mà cả Đông Á, Nam Á, châu Âu, Úc và châu Mỹ [3].

Phải nói rằng giao thương nhộn nhịp hiện nay trên biển Đông là có nguồn gốc sâu xa từ trong quá khứ, khi tại nơi đây đã từng tồn tại một con đường tơ lụa và gấm sứ trên biển, nối Địa Trung Hải, Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương. Nhiều thương nhân Á Rập đã gọi biển Đông là biển Champa, và ở Việt Nam các thương cảng lớn Hội An, Vân Đồn đã một thời thịnh vượng [4].

2.3. Biển Đông với các nền kinh tế rất chênh lệch bao quanh

Nếu xét vị trí địa lý của biển Đông trên bình diện Đông và Nam Á về mặt kinh tế ta sẽ thấy một quang cảnh như sau:

+ Trực tiếp bao quanh biển Đông là những quốc gia có nền kinh tế năng động, tốc độ phát triển cao, nhưng có tổng sản phẩm trong nước (GDP) rất khác nhau, nói lên độ chênh lệch rất lớn về tiềm lực kinh tế, tập trung chủ yếu ở phía bắc và sau đó là phía nam biển Đông. Trung Quốc ở phía bắc với GDP 5.434 tỷ USD, đứng thứ 3 thế giới (năm 2009) cùng với Đài Loan (333 tỷ USD, thứ 26) và Hồng Kông (206 tỷ USD, thứ 40); đối diện ở phía nam là các nước Indonesia (468 tỷ USD, thứ 19), Malaysia (212 tỷ USD, thứ 39), Singapore (176 tỷ USD, thứ 44), và Brunei (14 tỷ USD, thứ 105); có 3 nước ở phía tây là Thái Lan (268 tỷ USD, thứ 35), Việt Nam (89 tỷ USD, thứ 60), và Campuchia (11 tỷ USD, thứ 119); ở phía đông chỉ có duy nhất Philippines (156 tỷ USD, thứ 47) (theo Wikipedia). Như vậy nếu lấy tổng sản phẩm trong nước của Philippines là một đơn vị, thì các nước và vùng lãnh thổ ở phía bắc biển Đông có tiềm lực kinh tế lớn đến 38,3 đơn vị, trong

khi phía nam đạt 5,6 đơn vị, và các quốc gia phía tây chỉ đạt 2,3 đơn vị; điều đó có nghĩa các nước và vùng lãnh thổ phía bắc tiềm lực kinh tế lớn gấp 6,8 lần phía nam và gấp 16,2 lần phía tây.

+ Ngoài ra nếu xét một bán kính 3.000km quanh biển Đông ta cũng thấy các quốc gia phía bắc (Nhật Bản, Hàn Quốc) có tiềm lực kinh tế hơn hẳn các quốc gia ở phía nam (Úc) và phía tây (Ấn Độ), lần lượt lớn gấp 7,6 lần và 4,8 lần.

+ Sự phân bố tiềm lực kinh tế của các quốc gia không cân đối quanh biển Đông mang ý nghĩa địa-kinh tế, rất có thể cũng có ảnh hưởng đến cách ứng xử đối với các vấn đề thuộc phạm trù địa-chính trị biển Đông, trong đó có vấn đề quản lý và sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên của biển này. Đồng thời, như trong phần hàng hải đã nêu ở trên, các quốc gia phía bắc biển Đông một mặt có ưu thế tuyệt đối về kinh tế so với các quốc gia khác, nhưng mặt khác lại phụ thuộc quá chặt chẽ vào tuyến hàng hải huyết mạch qua biển này để phát triển, và điều đó cũng có thể đặt ra nhiều tiền đề khác nhau, như việc hợp tác bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh vùng biển và cùng nhau phát triển; hoặc cách ứng xử theo lợi ích quốc gia đơn phương...

3. Vị thế địa-chính trị

3.1. Nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa

+ Biển Đông và các lãnh thổ bao quanh (có thể gọi gộp là khu vực biển Đông) chính là nơi gặp gỡ của hai nền văn hóa lớn của châu Á là Trung Quốc và Ấn Độ từ hàng ngàn năm nay, và cả văn hóa Tây Âu, từ thế kỷ 16-17, với sự có mặt của hầu hết các tôn giáo chính trên thế giới. Trên phần bờ lục địa phát triển chủ yếu là đạo Phật, còn trên phần bờ quần đảo là đạo Hồi và các đạo khác, mà nguồn gốc xuất phát từ Nam Á và Tây Á. Ngoài ra còn có Công giáo phát triển ở một số nước. Nhìn chung, vấn đề tôn giáo và sắc tộc chưa phải là vấn đề nóng của khu vực này, mặc dù cũng đã có các xung đột. Như vậy khu vực biển Đông là một không gian có nền văn hóa rất đa dạng, có sự phân hóa theo lãnh thổ lục địa và biển. Ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa chủ yếu ở một phần bán đảo Đông Dương, còn văn hóa Ấn Độ có phạm vi ảnh hưởng rộng rãi hơn, cả trên lục địa và hầu hết trên các quần đảo. Và tất cả các ảnh hưởng đó đã được tiếp thu, chọn lọc và phát triển theo đặc điểm của mỗi dân tộc, mỗi vùng lãnh thổ, để cuối cùng tạo nên một Đông Nam Á với một nền văn hóa bản địa đa dạng và đặc sắc. Sự đa dạng về văn hóa của khu vực đã và sẽ không thể là trở ngại cho việc hợp tác phát triển, mà Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là một minh chứng.

+ Thực ra trong quá khứ từ thời kỳ tiền sử, việc giao lưu và giao thoa văn hóa cũng đã từng xảy ra ở khu vực biển Đông, như các nền văn hóa Hạ Long, Sa Huỳnh, Đông Sơn, và như GS Trần Quốc Vượng đã khẳng định, vào cuối thời kỳ Đá mới-đầu Kim khí, tại khu vực Đông Nam Bộ Việt Nam - một trung tâm luyện kim (đồng và sắt) đã có mối quan hệ giao lưu kinh tế-xã hội với cả Non Nok Tha, Ban Chang (Thái Lan), với Palawan, Bali..., cũng như với Ryukyu (Lưu Cầu Quốc) mà Okinawa là hòn đảo chính với cảng thị Naha [4]. Giao lưu văn hóa ở khu vực biển Đông có lẽ còn xa xưa hơn,

khi mà mực nước biển thấp hơn hiện nay trên trăm mét vào thời kỳ băng hà lần cuối cùng.

3.2. Nơi là mảnh đất của chế độ thực dân, nơi đối đầu trong chiến tranh lạnh và địa bàn của cướp biển

+ Các nước Đông Nam Á và cả Trung Quốc đã một thời là địa bàn chinh phục của các đế quốc phương Tây, như Pháp, Anh, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Mỹ và cả Nhật Bản, trở thành các xứ thuộc địa, bảo hộ, hay một hình thức phụ thuộc nào đó. Và một điểm chung của tất cả các dân tộc khu vực biển Đông là bằng hình thức và mức độ khác nhau đã lần lượt trở thành các quốc gia độc lập sau Thế chiến II. Ở đây tinh thần dân tộc đã động viên được lòng yêu nước của nhân dân các quốc gia đứng lên giải phóng đất nước.

Tuy nhiên, các quyết định của các nước Đồng Minh thắng trận, mà phần lớn xuất phát từ quyền lợi của họ, đã có ảnh hưởng rất lớn đến tiến trình phát triển tiếp theo của lịch sử cận đại khu vực này, để tạo nên một kịch bản địa-chính trị mới.

+ Chính do sự hình thành sau Thế chiến II một không gian thống nhất khép kín rộng lớn từ Âu sang Á của một hình thái chế độ xã hội mới-chế độ xã hội chủ nghĩa, mà trên thế giới đã nảy sinh một cuộc chiến tranh lạnh giữa 2 phe: phe có chế độ xã hội mới (Xã hội chủ nghĩa) với phe duy trì chế độ xã hội cũ, được gọi với các tên khác nhau (phe Đế quốc, Thực dân mới, thậm chí phe Dân chủ...). Và cuộc chiến tranh lạnh đó xảy ra trên toàn diện của cuộc sống xã hội của thế giới, và được thể hiện tập trung tại một số điểm cực nóng (dưới dạng chiến tranh cục bộ) ở bên rìa không gian thống nhất đó, là nơi có vị thế địa-chính trị quan trọng nhất cho cả hai phe. Và chính Triều Tiên và Việt Nam đã trở thành các điểm nóng ấy.

+ Như vậy là trong nhiều thế kỷ, Đông Nam Á thuộc khu vực biển Đông đã trở thành khu vực trung tâm đầy biến động về chính trị, là nơi đấu tranh giữa phong trào giải phóng dân tộc với chủ nghĩa đế quốc, thực dân cũ và mới, nơi đấu tranh giữa các quyền lợi giai cấp và các thể chế xã hội khác nhau. Vậy yếu tố nào đã tạo nên tình thế đó của khu vực biển Đông? Và câu trả lời không thể nào khác: tầm quan trọng quá lớn về địa-chính trị của khu vực. Ở đó thể hiện tất cả các mối quan hệ không-thời gian, quan hệ của chính các mâu thuẫn của thời đại một cách sâu sắc nhất: quan hệ giữa Đông và Tây, giữa Bắc và Nam, giữa Biển và Lục địa, quan hệ giữa truyền thống và phi truyền thống, quan hệ giữa các hệ tư tưởng, các học thuyết mới và cũ... Nói tóm lại, do nằm ở một không gian là “ngã tư” của thế giới, nên khu vực biển Đông dù muốn hay không, dù tự nguyện hay bị ép buộc, đã phải nhận lấy “trách nhiệm” giải quyết các mâu thuẫn của thời đại, của toàn thế giới !

Là con đường huyết mạch hàng hải và con đường tơ lụa trên biển, biển Đông trở thành một trong ba địa bàn cướp biển nổi tiếng của thế giới: cướp biển Caribê, cướp biển Somali (biển Ả Rập) và cướp biển trên biển Đông. Hình thái cướp biển trên biển Đông hết sức phức tạp, có thể không chỉ vì lý do kinh tế thông thường.

Và sau chiến tranh lạnh, một hình thế địa-chính trị mới đã hình thành ở khu vực này, mở ra một tương quan mới và một bối cảnh mới, cũng mở ra một cơ hội mới cho phát triển, nhưng cũng đầy thách thức.

3.3. Biển Đông - một vị thế địa-quân sự mang tính quốc tế

+ Vị thế địa-quân sự của biển Đông trước hết được xác định bởi chính vị trí “trung tâm” và vị trí “giao điểm” của nó. Biển Đông là trung tâm của một không gian văn hóa, xã hội và kinh tế vào loại lớn nhất của thế giới, có thể so sánh với Địa Trung Hải và vượt xa biển Caribê, là trung tâm về mặt hình học trong phạm vi bán kính 2.000-4.000km gồm các nền văn hóa lâu đời và có sức sống bền vững, các nền kinh tế mới nổi mạnh mẽ nhất của thế giới, đồng thời đó cũng là các thế lực có tiềm lực lớn về quân sự. Biển Đông còn được nhắc đến như là một giao điểm của các luồng truyền bá tư tưởng, tín ngưỡng, của các cuộc di dân mở mang không gian sống, của các cuộc bành trướng và chinh phục...

+ Tầm quan trọng của vị thế địa-quân sự của biển Đông còn được quyết định bởi sự tồn tại của một tuyến đường hàng hải huyết mạch đã nêu ở trên, đồng thời cũng còn được quyết định bởi sự có mặt của trên 500 cảng biển phân bố đều khắp ven bờ của cả 10 nước và vùng lãnh thổ xung quanh, tạo điều kiện tiếp cận dễ dàng cho mọi hoạt động quân sự trên biển.

+ Và điều cốt lõi là ở biển Đông ngoài hệ thống các đảo ven bờ bao quanh, còn có mặt 2 quần đảo rộng lớn ở trung tâm, phân bố đều ở cả 2 phần Bắc và Nam của nó; và chính các quần đảo này có ý nghĩa địa-quân sự vô cùng quan trọng đối với cả khu vực. Có thể trước đây, vào thời đại chỉ có các tàu chiến chạy bằng buồm hoặc hơi nước, người ta chưa hẳn quan tâm đến các quần đảo này như là các vị trí quân sự, nhưng trong Thế chiến II người Nhật đã chiếm các quần đảo này và sử dụng một số đảo để làm các căn cứ tàu ngầm.

Từ đó, người ta đã nói đến ai làm chủ các quần đảo này người đó có thể kiểm soát và khống chế được toàn bộ hoạt động trên biển của các quốc gia bao quanh và tất nhiên là kiểm soát trực tiếp được tất cả các hoạt động giao thông vận tải biển của thế giới qua lại trên biển này, cũng như các hoạt động bay trên không phận. Đó là chưa kể đến việc kiểm soát và khống chế được nguồn tài nguyên khổng lồ hải sản và dầu khí của biển Đông.

Điều đó cắt nghĩa vì sao hiện nay có nhiều nước chiếm đóng trái phép trên hai quần đảo này, mà Việt Nam có đầy đủ bằng chứng không thể chối cãi về chủ quyền của mình đối với hai quần đảo đó từ lâu đời. Người Mỹ quan tâm đến biển Đông có lẽ trước hết là vấn đề tự do hàng hải, bởi vì lợi ích của nước Mỹ phụ thuộc rất nhiều vào hoạt động xuất nhập khẩu, mà một phần quan trọng đi qua vùng biển này, và đồng thời tất nhiên là cả bản thân vị thế địa-chính trị, địa-quân sự vô cùng quan trọng của nó. Nếu có một thế lực muốn độc chiếm biển Đông, thì không chỉ vì những lợi ích kinh tế to lớn về dầu khí và hàng hải, mà còn cả tham vọng khống chế về quân sự khu vực Đông Nam Á.

III. Vấn đề hợp tác khu vực và khai thác tài nguyên biển Đông

1. Hợp tác thay cho đối đầu

Đã trải qua nhiều thế kỷ không bình yên, cư dân của khu vực biển Đông tất nhiên mong muốn sau chiến tranh lạnh mở ra một thời đại mới hòa bình và hợp tác, và biển Đông sẽ trở thành một cây cầu lớn, kết nối các dân tộc xung quanh thành một khối, chung sống hữu nghị và hạnh phúc. Tuy nhiên, sau chiến tranh lạnh, khi vấn đề xung đột “hai phe” không còn tồn tại, thì lại nổi lên vấn đề “lợi ích quốc gia”, và điều đó đã làm cho biển Đông chứng kiến nhiều vụ đụng độ đổ máu. Ngày nay mặc dù thiện chí của nhiều nước đã được thể hiện rõ, trong đó có Việt Nam, tình hình biển Đông theo đánh giá của nhiều giới quan sát là đang rất căng thẳng, vì có thể xảy ra đụng độ bất cứ lúc nào, đồng thời với việc chạy đua quân sự, trong đó có trang bị vũ khí mới, là điều chỉ thích hợp và thậm chí còn có lợi cho các nước có tiềm lực kinh tế mạnh như đã nêu ở trên. Đây là một thách thức rất lớn đối với nhân dân khu vực biển Đông, đòi hỏi một cách ứng xử tỉnh táo, xây dựng và hữu nghị, theo đúng luật pháp quốc tế và các giá trị văn hóa truyền thống của khu vực.

Nhân dân các nước khu vực biển Đông với nguyện vọng hợp tác, tránh đối đầu cần luôn luôn cảnh giác trước mọi ý đồ chia rẽ dựa vào sự khác biệt về vị trí địa lý, về dân tộc, tôn giáo, hoặc chính quyền lợi quốc gia. Đó là một “kẻ” mà nhiều nước từ cổ đại đến hiện đại đã dùng để chia rẽ các nước đối phương dựa vào những khác biệt về vị thế địa-chính trị của mỗi nước trong các nước đó.

2. Việt Nam và việc khai thác tài nguyên vị thế biển Đông

Việt Nam là một quốc gia biển, có truyền thống quản lý và khai thác các vùng biển thuộc quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ lâu đời, đó là vùng lãnh thổ không thể tách rời của Việt Nam. Việt Nam yêu chuộng hòa bình, chủ trương giải quyết mọi tranh chấp trên biển Đông thông qua đàm phán trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế, nhưng quyết bảo vệ đến cùng chủ quyền quốc gia thiêng liêng về biển đảo do cha ông để lại. Các nghị quyết của Bộ Chính trị về chiến lược phát triển kinh tế biển, cũng như các quyết định của Chính phủ về quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội các vùng biển, ven biển và hải đảo đã chỉ rõ các mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể của các ngành, các cấp và các địa phương, cũng như các tập thể và mỗi người dân phải làm gì để biến nước ta đến năm 2020 thành một quốc gia mạnh về biển. Một trong các nhiệm vụ quan trọng của quá trình đó là công tác nghiên cứu khoa học về biển Đông.

Trong hướng điều tra cơ bản về biển Việt Nam nói riêng và biển Đông nói chung, nổi lên vấn đề về điều tra nghiên cứu tài nguyên vị thế cùng các kỳ quan sinh thái và địa chất của vùng biển và hải đảo, và định hướng khai thác có hiệu quả dạng tài nguyên mới mẻ này. Một số vấn đề cơ bản trong đó có thể nêu sau đây:

+ Sử dụng có hiệu quả tài nguyên vị thế của hệ thống đảo ven bờ, cũng như hệ thống đảo trong quần đảo Trường Sa (Hoàng Sa còn đang bị chiếm

đóng), về cả vị thế tự nhiên, địa- kinh tế và địa-chính trị. Đặc biệt nghiên cứu và triển khai việc sử dụng các đảo cho phát triển du lịch sinh thái, cho nhiệm vụ cảnh báo thiên tai, làm dịch vụ và hậu cần cho các hoạt động trên biển, đặc biệt cho đánh bắt hải sản. Phát huy vai trò là những vị trí tiền tiêu và tiền tiêu-biên giới trên biển của các hệ thống đảo, xây dựng các đảo thành các vị trí phòng thủ vững chắc không thể bị đánh bại, đặc biệt các đảo nằm bên các tuyến đường giao thông quan trọng trong nước và quốc tế; và ở quần đảo Trường Sa là các đảo nằm trong các cụm đảo có sự chiếm đóng của nước ngoài (như ở cụm Nam Yết có cả Trung Quốc lẫn Đài Loan).

+ Cũng vậy, đối với các thủy vực vũng vịnh, cần được nghiên cứu sử dụng có hiệu quả vào các mục đích cầu cảng, giao thông và quân sự, cùng với các mục đích về du lịch và ngư nghiệp. Riêng đối với quần đảo Trường Sa, cần tổ chức nghiên cứu chi tiết các đầm nước nông, còn gọi là các vũng biển, nằm giữa các atol (rạn san hô vòng) về các điều kiện địa chất-địa mạo, hải văn, các tài nguyên sinh vật và phi sinh vật; đặc biệt cần đo đạc chính xác bề mặt địa hình, xác định các tuyến luồng tàu ra-vào, phục vụ cho quân sự và ngư nghiệp (các đầm này cũng có thể là các nơi tránh gió bão). Đối với tất cả các thềm san hô bao quanh các đảo và đá ngầm đến độ sâu 30m (hoặc đến 200m, tùy từng nhóm đảo) cũng cần nghiên cứu chi tiết bề mặt địa hình, thiết lập các luồng tàu cập đảo với các phương vị thích hợp cho từng mùa gió cũng như điều kiện cụ thể (như vị trí tương quan với các đảo, đá xung quanh, nhất là khi có nước khác chiếm đóng) của từng đảo, đá.

+ Nghiên cứu xây dựng và công bố chính thức các tuyến đường thủy hoạt động thường xuyên của huyện đảo Trường Sa, nối với đất liền cũng như nối với các đảo, đá của thị trấn Trường Sa, và các xã đảo Song Tử Tây và Sinh Tồn.

+ Cũng ở Trường Sa, tổ chức điều tra cơ bản và nghiên cứu các chuyên đề đồng bộ để có thể thành lập và công bố một Khu bảo tồn biển quốc gia. Trong đó đặc biệt quan tâm xác lập các di sản quý hiếm về địa chất-địa mạo, cũng như các giá trị của các kỳ quan sinh thái, cùng giá trị mỹ học của các cảnh quan độc đáo dưới nước của các rạn san hô vòng vùng nhiệt đới. Đồng thời xác lập một tuyến du lịch sinh thái đảo biển, bảo đảm an toàn, vào các thời điểm thích hợp trong năm, để giới thiệu các giá trị và các kỳ quan đó cho nhân dân, nhất là giới trẻ.

+ Đối với hệ thống đảo ven bờ cần đặc biệt ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu và xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại các đảo sau: Vĩnh Thực, Trần, Thanh Lam, Hạ Mai, Bạch Long Vĩ, Hòn Mê, Hòn Mất, Cồn Cỏ, Cù Lao Chàm, Lý Sơn, Cù Lao Xanh, Hòn Tre, Phú Quý, Côn Đảo, Hòn Khoai, Thổ Chu, Phú Quốc và Hòn Đốc. Đó là các đảo có vị thế quan trọng - những đảo tiền tiêu và tiền tiêu-biên giới.

Còn đối với các đảo trong quần đảo Trường Sa, mỗi đảo, đá đều là một vị trí tiền tiêu và tiền tiêu-biên giới, cần được ưu tiên trên hết một cách toàn diện, trong đó nổi lên một số cụm đảo, đá có vị trí quan trọng nhất: Song Tử Tây-Đá Nam, Nam Yết-Sơn Ca, Sinh Tồn-Len Đao-Cô Lin, Đá

Đông-Trường Sa-Đá Lát, tuyến các bãi và đá Vũng Mây-An Bang-Thuyền Chài-Núi Cô-Tiên Nữ.

+ Nghiên cứu đặt tên Việt thống nhất và công bố cho tất cả các đối tượng địa lý trong vùng biển Việt Nam chưa có tên, như các dãy núi, khối núi, các cao nguyên, các hẻm vực, các lòng chảo, các vịnh biển, bãi ngầm, các atol... Ngoài ra cũng soát xét lại và công bố chính thức toàn bộ tên các đảo, đá, bãi... của quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và lân cận.^(*)

L Ñ A - T Ñ T

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Đức Tố (chủ biên), Lê Đức An, và nnk., *Biển Đông, tập I: Khái quát về biển Đông*, 230 trang, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội (2003). Tái bản có sửa chữa và bổ sung, 316 trang, Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội (2009).
2. Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê năm 2009*, Nxb Thống kê, Hà Nội (2011).
3. Trang thông tin điện tử *Nghiên cứu biển Đông* [nghiencuubiendong.vn].
4. Trần Quốc Vương, *Việt Nam cái nhìn địa-văn hóa*, 495 trang, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội (1999).

TÓM TẮT

Vị thế biển Đông trên bình đồ châu Á và thế giới được đánh giá theo 3 tiêu chí là vị thế tự nhiên, vị thế địa-kinh tế và vị thế địa-chính trị. Về địa-kinh tế, biển Đông sở hữu một nguồn tài nguyên lớn cho các dân tộc xung quanh, là con đường hàng hải huyết mạch cho nhiều nước trên thế giới, đồng thời cũng thể hiện rõ sự chênh lệch rất lớn về tiềm lực kinh tế của các nước bao quanh, từ đó nảy sinh nhiều cách ứng xử khác nhau đối với chính biển Đông. Về địa-chính trị, do vị trí “ngã tư” và “trung tâm” của mình, khu vực biển Đông là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa, là mảnh đất của chế độ thực dân cũ và mới, nơi đối đầu trong chiến tranh lạnh, và là nơi có một vị thế địa-quân sự mang tầm quốc tế.

Ngày nay, để khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường biển Đông có hiệu quả, vấn đề cơ bản đối với các dân tộc trong khu vực là “hợp tác thay cho đối đầu”. Trong bối cảnh ấy, Việt Nam cần thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể để sử dụng hợp lý tài nguyên vị thế vùng biển chủ quyền của mình.

ABSTRACT

THE POSITION OF EAST SEA

The position values of East Sea (ES), on the map of Asia and the World, were estimated by three categories: physiographic, geo-economic, geo-politic positions. In term of geo- economy, provides the huge natural resources for surrounding nations, and is a key sea route for many countries in the world. Also, the very great difference in economic potentials of its surrounding countries has created many different behaviors for itself. In term of geo-politics related to its position of “crossroads” and “centre”, the ES basin is an area of many intersected cultures, occupied by colonial and neocolonial regimes, confronted during the cold war, and possesses a geomilitary position of international importance.

For effective exploitation and conservation of resources and environment in ES, “cooperation instead of confrontation” is the key objective for all nations in the basin nowadays. In this situation, it is necessary for Vietnam to implement some concrete tasks for suitable utilization of position resources in its sovereign waters.

* Bài viết trích từ Kỷ yếu Hội thảo khoa học và công nghệ biển toàn quốc lần thứ V (Bản CD), Hà Nội, tháng 10/2011, với sự đồng ý của các tác giả. BBT.